|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT  **TRƯỜNG THCS** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **Môn: Ngữ văn 7**  Ngày kiểm tra: / / 2024  Thời gian: 90 phút |

**I. MA TRẬN ĐỀ :**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tục ngữ Việt Nam | **3c** | **0** | **4c** | **0** | **0** | **2c** | **0** |  | **60** |
| **Số điểm** | |  | **1,5** |  | **2,5** |  |  | **2,0** |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống( Trình bày ý kiến tán thành) | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***0.5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tục ngữ Việt Nam | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm cơ bản của tục ngữ.  - Nhận biết được vần của câu tục ngữ.  **Thông hiểu:**  - Xác định đúng biện pháp tu từ trong câu tục ngữ.  - Hiểu được lời khuyên của câu tục ngữ.  - Hiểu nội dung và ý nghĩa của tục ngữ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nói quá.  **Vận dụng**:  - Lựa chọn và giải thích lý do chọn câu tục ngữ.  - Trình bày được bài học và lý do chọn bài học từ rút ra từ câu tục ngữ . | 3TN | 4 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống( Trình bày ý kiến tán thành) | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống( Trình bày ý kiến tán thành) | 1 | 1 | 1 | 1TL |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

1. Chớ khinh khó, chớ cậy giàu.
2. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
3. Nói ngọt lọt đến xương.
4. Một mặt người bằng mười mặt của.
5. Tấc đất tấc vàng.
6. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.
7. Học thầy học bạn vô vạn phong lưu.
8. Nói hay không tày làm tốt.
9. Nói có sách mách có chứng.
10. Lời nói, gói vàng.

*( Trích từ điển THÀNH NGỮ VÀ TỤC NGỮ VIỆT NAM- NXB Văn hoá, 1995)*

***\** Khoanh tròn chữ cái đứng trước ý trả lời đúng nhất từ câu 1 tới câu 4** *(chọn đúng mỗi đáp án được 0,25 điểm).*

**Câu 1: Đặc điểm cơ bản của các văn bản trên?**

A. Ngắn gọn, hàm súc, chứa đựng lời khuyên.

B. Giàu vần điệu, dễ nhớ.

C. Ví von, giàu hình ảnh.

D. Kiệm lời, giàu ý.

**Câu 2: Xác định vần của câu tục ngữ “ Học thầy học bạn vô vạn phong lưu”.**

A. Vần liền

B. Vần chân

C. Vần cách

D. Vần lưng

**Câu 3: Câu tục ngữ “ Tấc đất tấc vàng” sử dụng biện pháp tu từ nào.**

A. Nhân hoá

B. Liệt kê

C. Hoán dụ

D. Nói quá

**Câu 4: Câu tục ngữ “Lời nói, gói vàng” khuyên chúng ta điều gì?**

A. Không nên ba hoa khoác lác.

B. Hãy thận trọng với những lời nói của mình.

C. Không nên nói nhiều.

D. Không nên nói quá thẳng thắn.

**Câu 5( 1.0 điểm) : Điền vào chỗ trống(…) những từ ngữ thích hợp để chỉ rõ đặc điểm của các câu tục ngữ trên.**

A. Tục ngữ là câu nói dân gian ngắn gọn,(1)……………., thường có vần điệu, có hình ảnh nhằm (2)…………..kinh nghiệm về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

B. Tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm được(3)…………, tổng kết dựa vào (4)………thực tiễn của nhân dân.

**Câu 6: (1.0 điểm): Hãy khoanh tròn từ Đúng (Đ) hoặc sai (S) tương ứng với từng ý kiến nhận xét về nội dung và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận xét** | |
| A.Chớ khinh khó, chớ cậy giàu có nghĩa là không nên vội coi thường người nghèo, cũng đừng vội cậy mình giàu có, ở đời thăng trầm biến động là chuyện thường. | **Đ** | **S** |
| B. Học thầy học bạn vô vạn phong lưu là học thầy không bằng học bạn. | **Đ** | **S** |
| C. Câu tục ngữ “một mặt người bằng mười mặt của” muốn đề cao giá trị của con người. | **Đ** | **S** |
| D. Nói ngot lọt đến xương nghĩa là ăn nói cần tế nhị thì người nghe dễ thấm. | **Đ** | **S** |

**Câu 7( 1.0 điểm): Nối cột A (nghệ thuật) và cột B (tác dụng) có ở các câu tục ngữ trên cho phù hợp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Nối** | **Cột B** |
| 1.Vần liền trong câu tục ngữ **“**Nói ngọt lọt đến xương:” có tác dụng. | 1 với … | A. Làm cho câu tục ngữ tuy ngắn nhưng vẫn dễ hiểu |
| 2. Biện pháp tu từ trong các câu tục ngữ có tác dụng | 2 với… | B. Tăng tính hình tượng, tính biểu cảm cao. |
| 3. Câu tục ngữ “Nói hay không tày làm tốt” chữ “tày” được hiểu … | 3 với … | C. Góp phần tạo nên tính hàm súc, đa nghĩa. |
| 4. Những hình ảnh: **Giọt máu đào, ao nước lã trong câu tục ngữ** “Một giọt máu đào hơn ao nước lã” có tác dụng | 4 với … | D. là “bằng” khuyên làm tốt hơn là nói hay. |

**Câu 8 (1.0 điểm)**: Em đã từng vi phạm lời khuyên nào trong câu tục ngữ 1,2,3 chưa? Hãy chia sẻ về giá trị thực tiễn của 1 trong 3 câu tục ngữ mà em tâm đắc nhất?

**Câu 9 (1.0 điểm):**Câu tục ngữ nào cho em bài học hữu ích nhất? Vì sao?

**II. VIẾT: Tạo lập văn bản (4,0 điểm)**

**Đề bài:** Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,25 |
| **2** | C | 0,25 |
| **3** | D | 0,25 |
| **4** | B | 0,25 |
| **5** | Điền đúng vào mỗi chỗ trống (…) những từ ngữ thích hợp được 0,25 điểm ( 4x 0,25 = 1.0đ)  *(1):* hàm súc*; (2):* đúc kết *; (3):* đúc rút *(4):* quan sát*;* | `1.0 |
| **6** | Khoanh tròn mỗi ý đúng: 0,25 điểm (4 ý x 0,25 = 1.0 điểm)  A: Đúng ; B: Sai ; C: Đúng; D: Sai | 1.0 |
| **7** | Nối đúng mỗi ý đạt 0,25 điểm (4 ý x 0,25 = 1.0 điểm)  1 nối với B; 2 với A; 3 với D; 4 với C | 1.0 |
| **8** | - Học sinh sẽ điểm lại những tình huống trong quá khứ của mình để xác định đã vi phạm lời khuyên nào.  - Chia sẻ giá trị thực tiễn của câu tục ngữ: Nói rõ ý nghĩa, lời khuyên từ câu tục ngữ, hoàn cảnh vận dụng.  *- HS có thể có nhiều kết quả khác nhau. GV chấp nhận tất cả những kết quả được cho là đúng, hợp lý****.*** | 0.5  0.5 |
| **9** | - Bài học: Phân tích ngắn gọn ý nghĩa câu tục ngữ đó và nói rõ lí do khiến mình nhận được bài học hữu ích nhất( học sinh nêu 2 lí do trở lên)  *HS có thể có nhiều kết quả khác nhau. GV chấp nhận tất cả những kết quả được cho là đúng, hợp lý.* | 0.5  0.5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử | 0,25 |
|  | *c. Triển khai hợp lý nội dung của bài văn.*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trò chơi điện tử là gì?  - Thực trạng của việc chơi trò chơi điện tử của lứa tuổi học sinh.  - Chỉ ra những lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề xuất giải pháp. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DUYỆT CỦA BGH** | **TỔ TRƯỞNG** | **NGƯỜI RA ĐỀ** |

Gmail: khacduongth@gmail.com